TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4514/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 06/1996 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/01/1996.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2574/2023/HNST ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1967

Địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Thế B, sinh năm 1966

Địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/11/2023.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thế Q, sinh 26/3/1997 và Trần Thế M, sinh ngày 08/3/2003 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B tự nguyện chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/11/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thế Q, sinh 26/3/1997 và Trần Thế M, sinh ngày 08/3/2003 (đã trưởng thành).

1.3 Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0005992 ngày 23/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Bà Trần Thị Kim T và ông Trần Thế B đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt